

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THOẠI SƠN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 16-6-2022
V/v “*Tranh chấp hôn nhân và gia
đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THOẠI SƠN, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hòa
2. Ông Trần Đức

- Thư ký phiên tòa: Ông Lâm Trí Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lam Em – Kiểm sát viên

Ngày 16 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 150/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 5 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 102/QĐST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ngọc H, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp LT1, xã LG, huyện CM, tỉnh An Giang

- Bị đơn: Anh Trần Văn H1, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp BS, thị trấn NS, huyện ThS, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc H trình bày:

Chị và anh H1 do tự tìm hiểu và tự nguyện chung sống với nhau năm 2012, có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2012 tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn. Thời gian chung sống giữa chị và anh H1 phát sinh mâu thuẫn do anh H1 không chung thủy, có mối quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác, mặc dù chị H đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng không được nên đến năm 2021 chị H về nhà cha mẹ ruột sinh sống, vợ chồng không còn sống chung từ đó đến nay. Trong thời gian xa cách, hai bên không hàn gắn. Nay nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị H yêu cầu được ly hôn anh H1.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị và anh H1 có hai con chung tên Trần Thị Mỹ Y, sinh ngày 03/01/2014 và Trần Minh T, sinh ngày 18/8/2020. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Y và cháu T, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Tài sản chung, nợ chung: Không có

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để chị H và anh H1 thỏa thuận với nhau về việc giải quyết vụ án, đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh H1 nhưng anh H1 đều vắng mặt không lý do nên việc hòa giải không tiến hành được. Vì vậy, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho anh H1 nhưng anh H1 tiếp tục vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định.

Tại phiên tòa: Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu ly hôn với anh H1; yêu cầu tiếp tục nuôi con chung là cháu Trần Thị Mỹ Y và Trần Minh T, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thoại Sơn trình bày quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Tòa án thụ lý, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ đảm bảo quy định của pháp luật tố tụng dân sự; thành phần Hội đồng xét xử không thuộc trường hợp phải thay đổi. Anh H1 vắng mặt lần thứ hai không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn là phù hợp quy định tại Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H, cho chị H được ly hôn anh H1; giao cháu Y, cháu T cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng, anh H1 không cấp dưỡng nuôi con do chị H không yêu cầu; tài sản chung, nợ chung: Không xem xét. Chị H phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Văn H1 chung sống với nhau có đăng ký kết hôn (Theo Giấy chứng nhận kết hôn số 213/2012, do UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 24 tháng 12 năm 2012). Anh Trần Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại: Ấp BS, thị trấn NS, huyện ThS, tỉnh An Giang nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thoại Sơn theo quy định tại Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về tố tụng:* Tại phiên tòa, anh Trần Văn H1 vắng mặt lần thứ hai không lý do, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[3] *Xét việc tranh chấp:*

[3.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh H1 xác lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 24/12/2012 tại UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Theo chị H trình bày nguyên nhân mâu thuẫn do anh H1 không chung thủy, mặc dù chị Hân đã nhiều lần tha thứ và khuyên nhủ nhưng anh H1 không thay đổi nên mâu thuẫn càng lúc càng nghiêm trọng, đến năm 2021 thì vợ chồng không còn chung sống đến nay, trong thời gian xa cách mặc dù có hàn gắn nhưng không được.

[3.2] Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã mở các phiên hòa giải để hai bên có cơ hội hàn gắn nhưng anh H1 đều vắng mặt không lý do và cũng không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu ly hôn của chị H cho thấy mâu thuẫn của cả hai đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của chị Hân là có cơ sở. Do đó, căn cứ khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H, chị H được ly hôn với anh H1.

[4] *Về con chung:* Chị H trình bày trong quá trình chung sống chị và anh H1 có hai con chung tên Trần Thị Mỹ Y, sinh ngày 03/01/2014 và Trần Minh T, sinh ngày 18/8/2020. Khi ly hôn, chị H yêu cầu được nuôi hai con, không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành ghi nhận ý kiến cháu Y thể hiện nguyện vọng của cháu muốn tiếp tục sống với chị H. Do đó, để đảm bảo sự phát triển bình thường, ổn định cho các cháu nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con của chị H là có cơ sở. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H, giao cháu Y, cháu T cho chị H

tiếp tục nuôi dưỡng. Do chị H không yêu cầu anh H1 cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về tài sản chung*: Chị H trình bày không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết, anh H1 vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[6] *Về nợ chung*: Theo trình bày của chị H không có nợ chung, anh H1 vắng mặt và cũng không có văn bản nêu ý kiến và yêu cầu nên Hội đồng xét xử không có cơ sở xem xét.

[7] *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc H.

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H được ly hôn anh Trần Văn H1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 213/2012, do UBND thị trấn Núi Sập, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang cấp ngày 24 tháng 12 năm 2012 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H và anh Trần Văn H1 không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án này có hiệu lực pháp luật.

2. *Về con chung*: Giao cháu Trần Thị Mỹ Y, sinh ngày 03/01/2014 và Trần Minh T, sinh ngày 18/8/2020 cho chị Nguyễn Thị Ngọc H tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Văn H1 không cấp dưỡng nuôi con.

Anh Trần Văn H1 và các thành viên trong gia đình (nếu có) phải tôn trọng quyền được nuôi con của chị Nguyễn Thị Ngọc H. Chị Nguyễn Thị Ngọc H và các thành viên trong gia đình (nếu có) không được cản trở anh Trần Văn H1 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

3. *Về án phí*: Chị Nguyễn Thị Ngọc H phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ tiền tạm ứng án phí 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng chị H đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009012 ngày 14/3/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Thoại Sơn, chị Hân không phải nộp thêm.

Anh Trần Văn H1 không phải chịu án phí.

Các đương sự không phải chịu các chi phí tố tụng khác.

4. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo là 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang (1);
- VKSND huyện Thoại Sơn (1);
- THADS huyện Thoại Sơn (1);
- UBND thị trấn Núi Sập (1);
- Các đương sự (2);
- Lưu văn phòng (1);
- Lưu hồ sơ (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Mỹ Linh